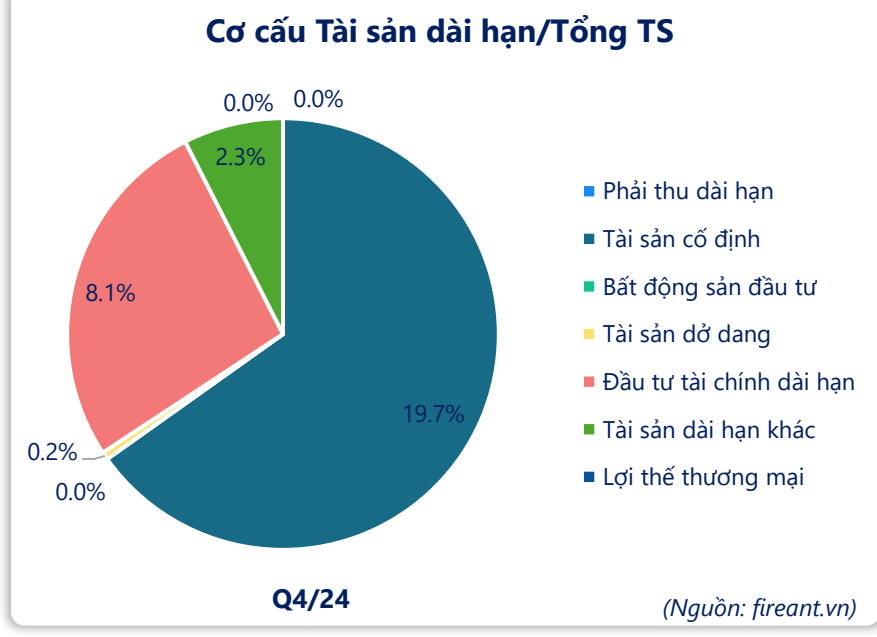
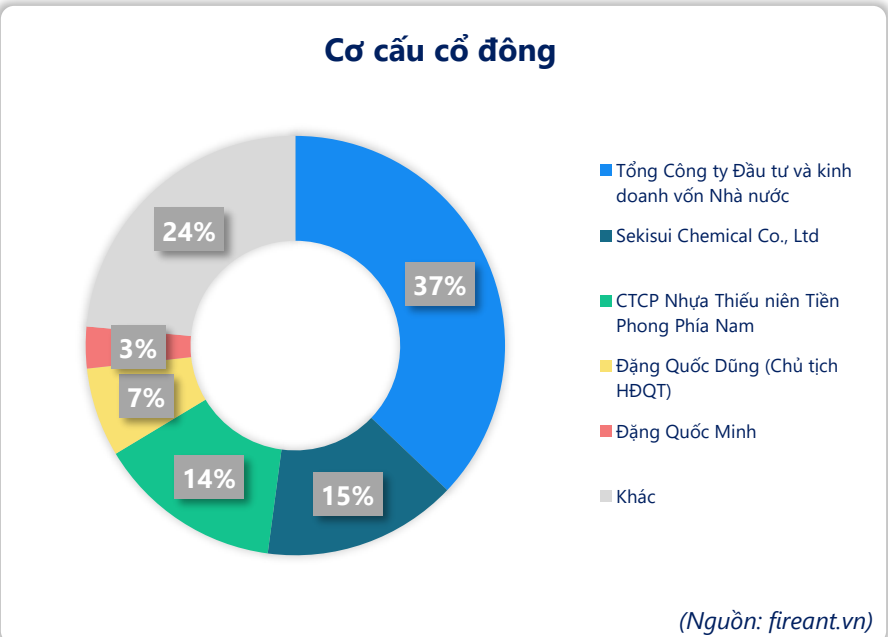
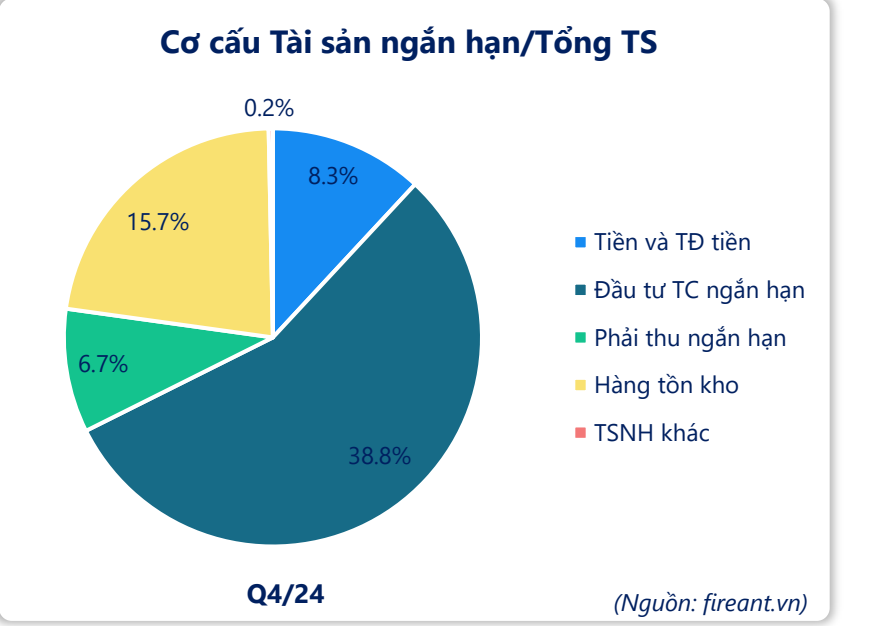
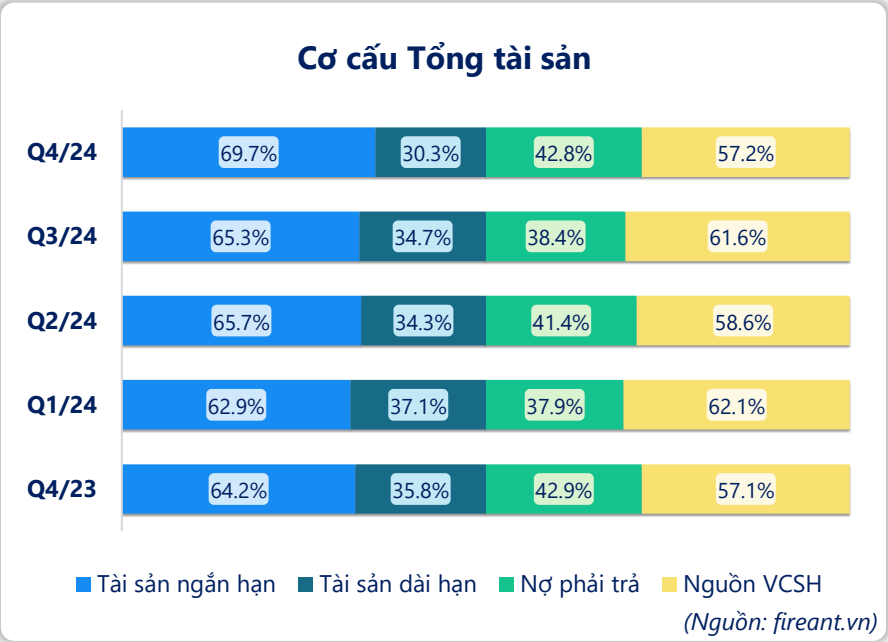
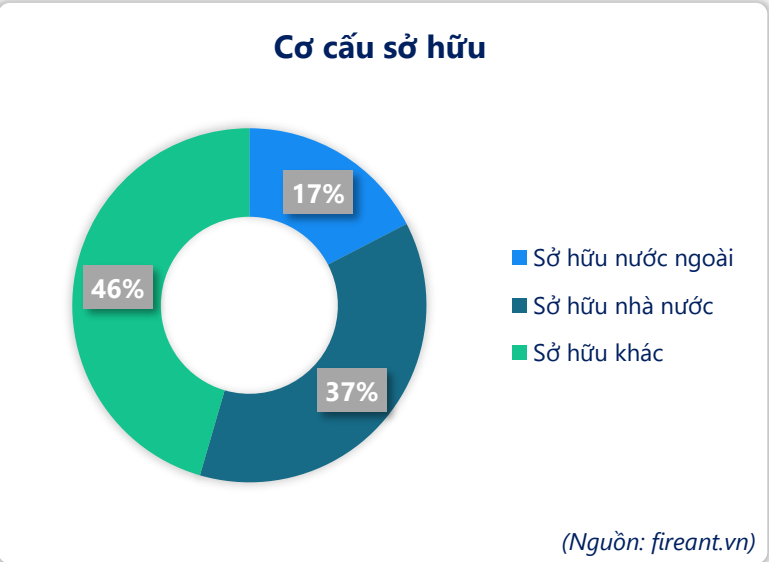
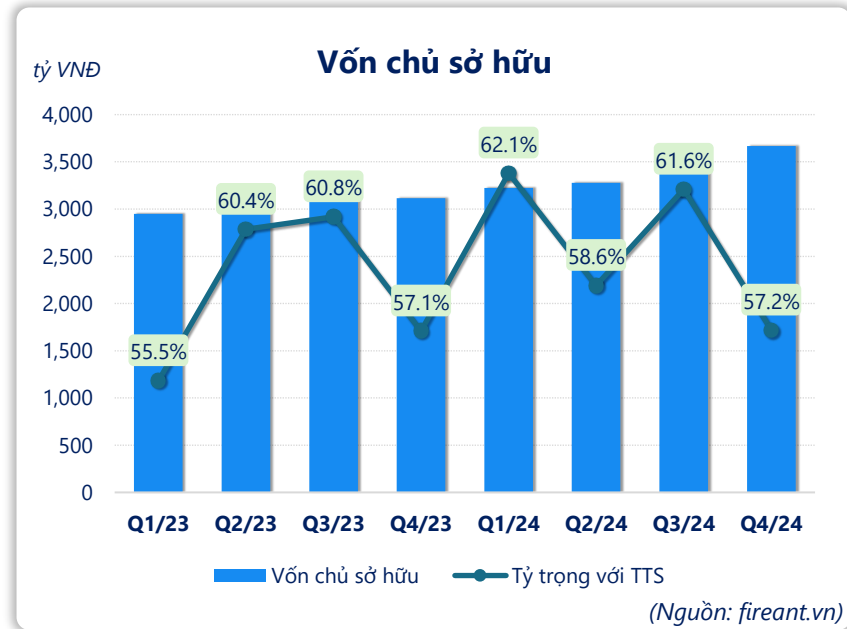
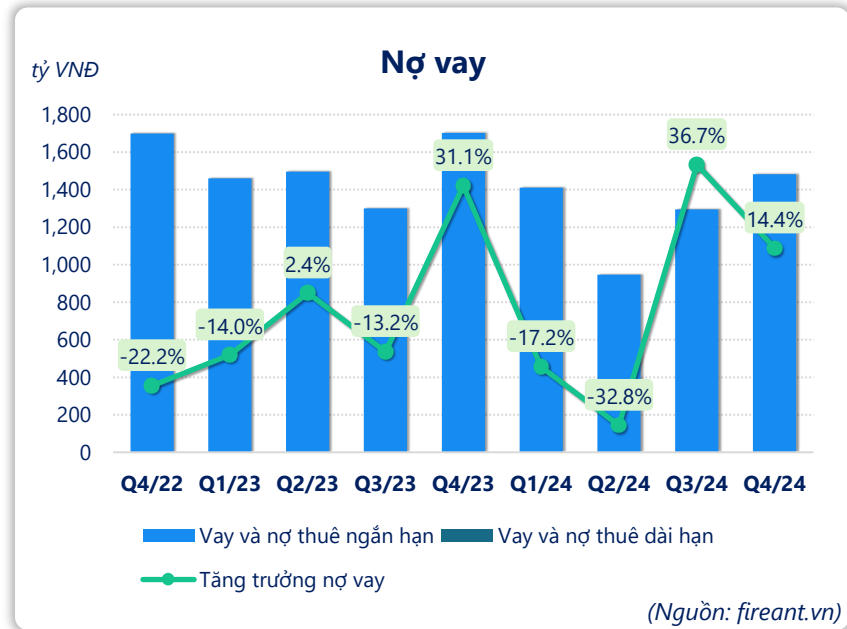
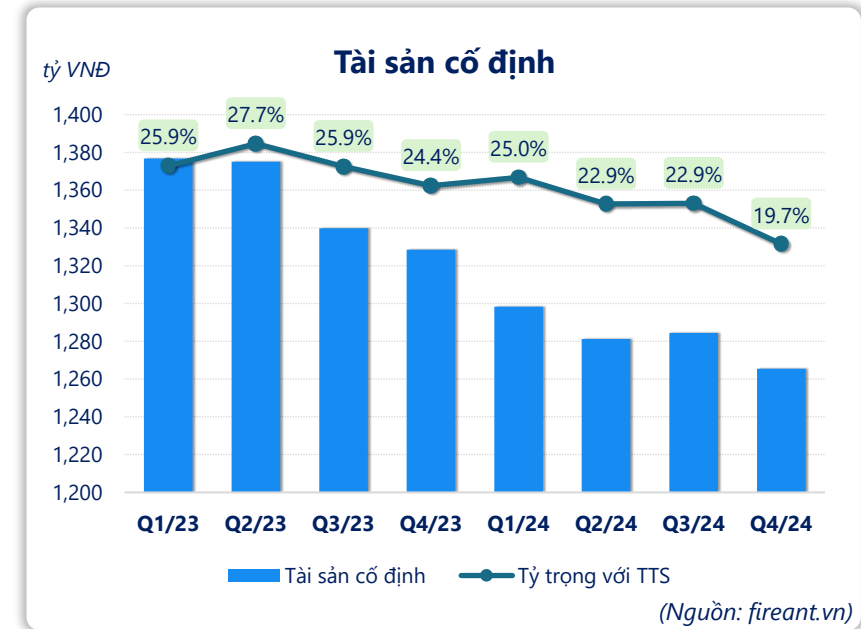
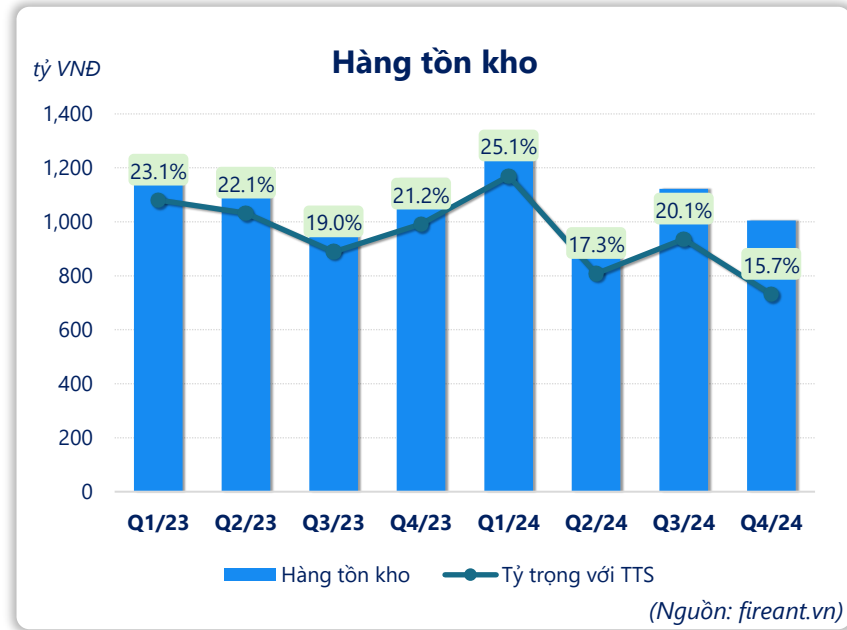
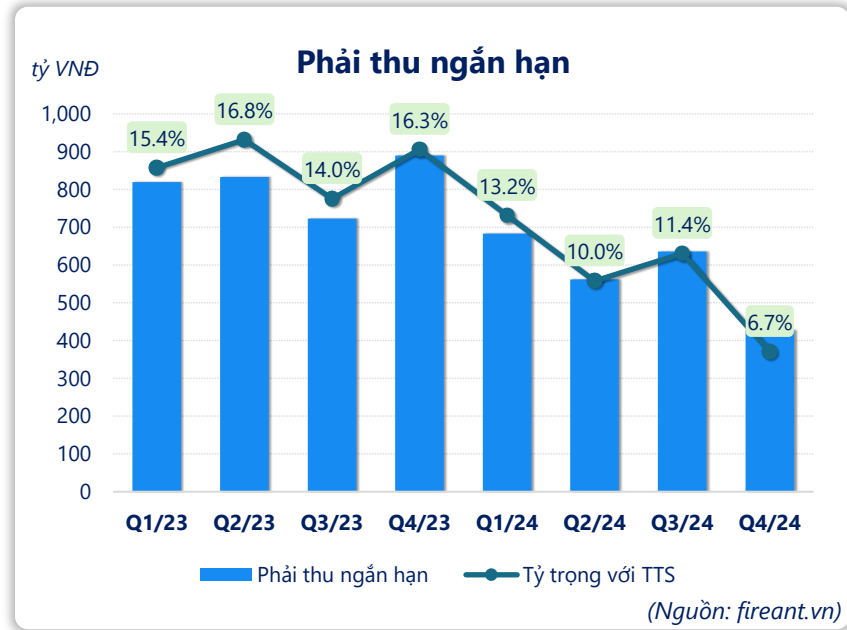
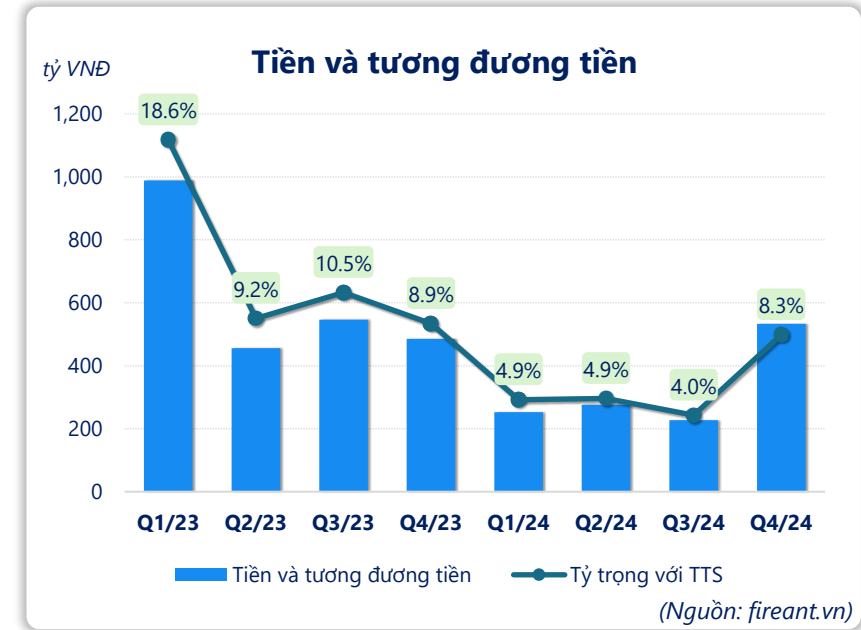
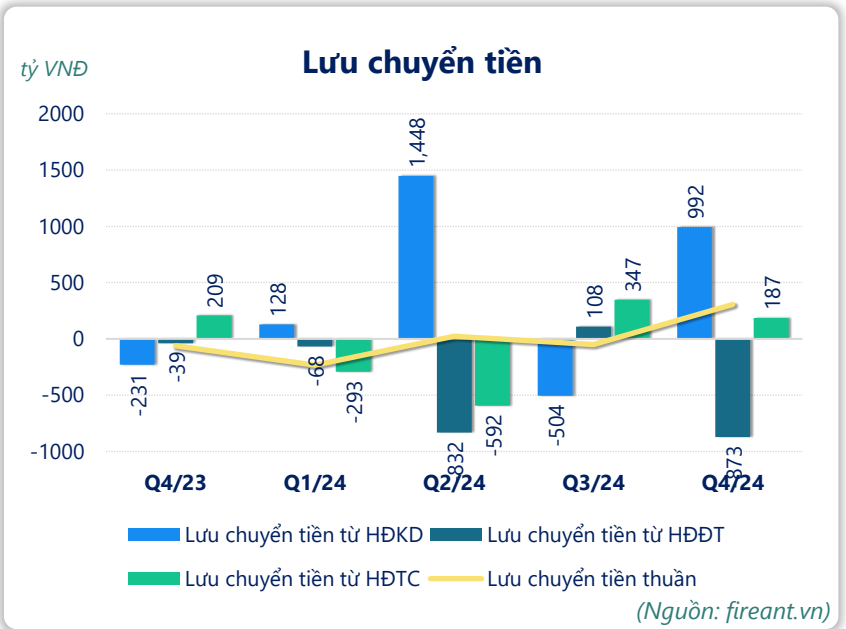
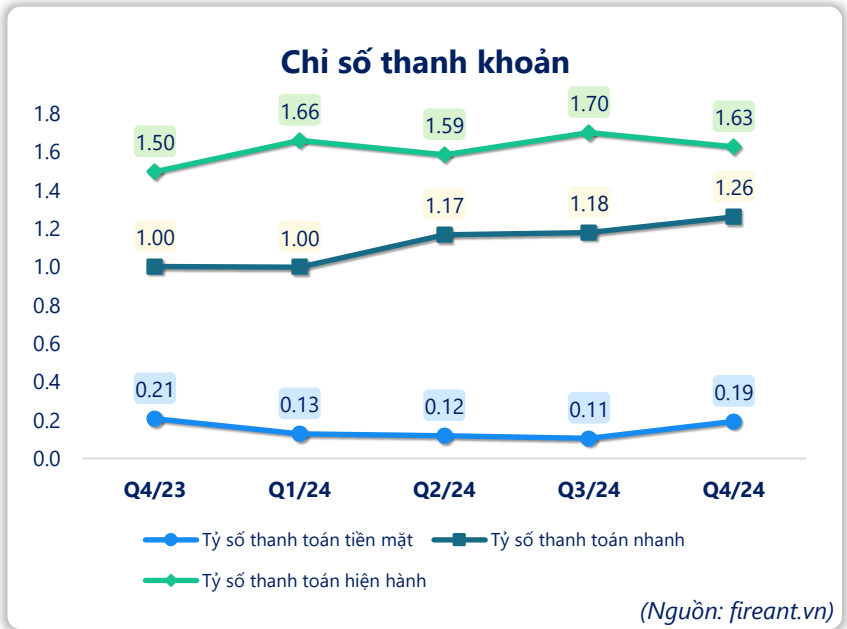
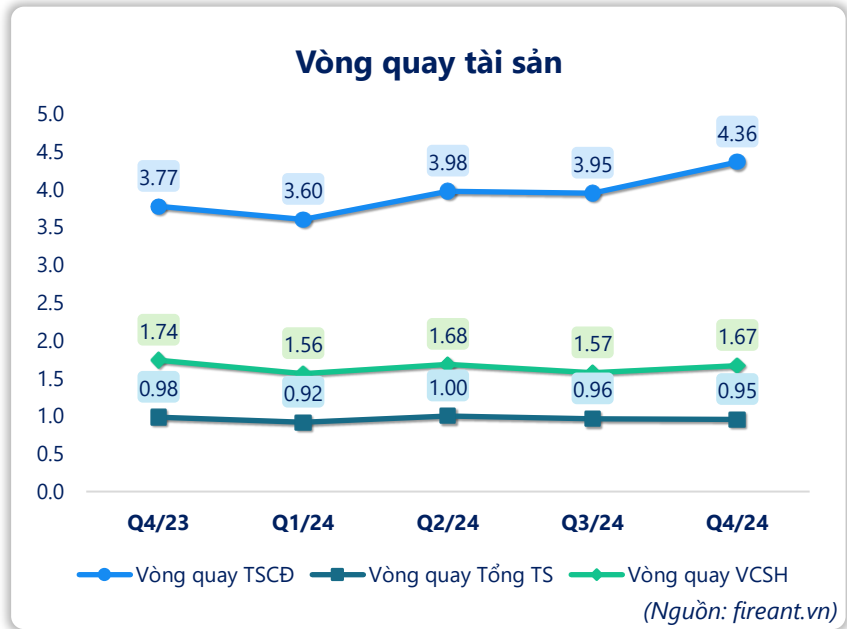
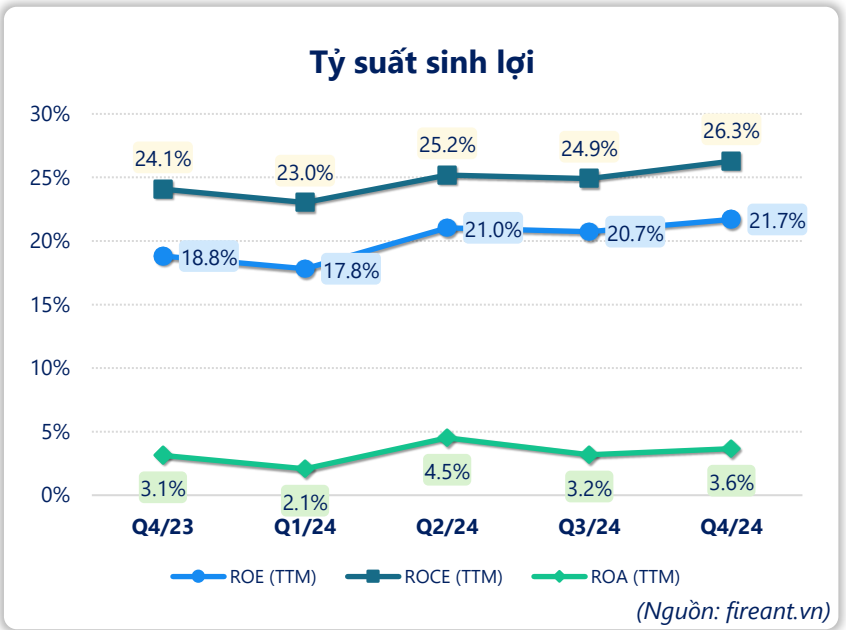
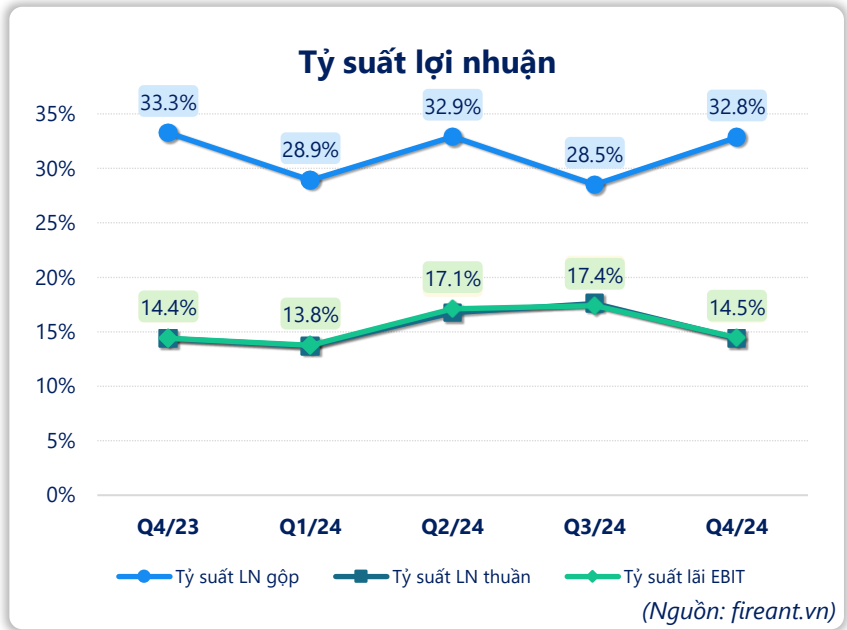
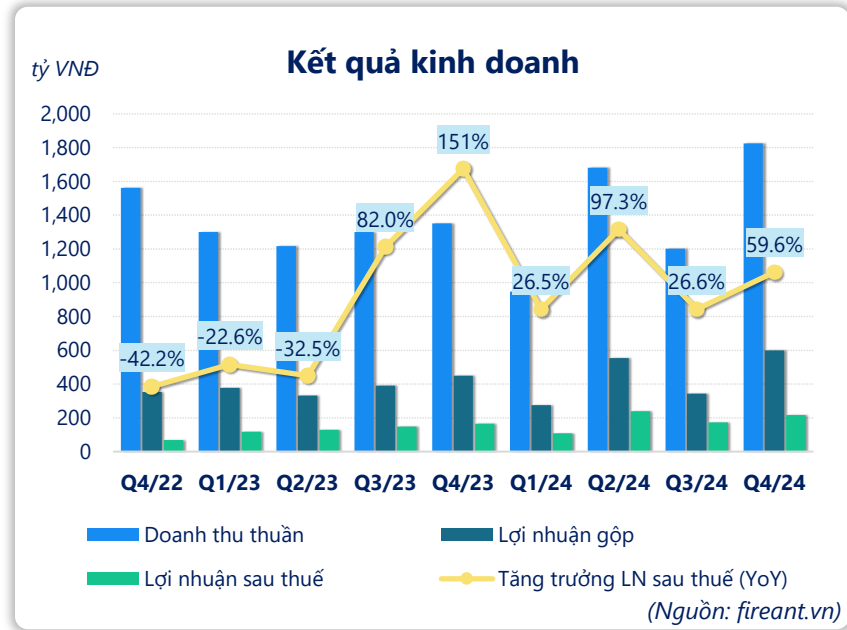


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		64,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		70,045
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,284
SL cổ phiếu LH		142,532,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)		482,920
% sở hữu nước ngoài		17.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		9,122
P/E		12.4
EPS		5,161

	YTD	1T	3T	6T
NTP		4.2%	10.1%	14.5%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,415	5,454	17.6%
Tài sản ngắn hạn	4,473	3,501	27.8%
Tiền và tương đương tiền	533	485	9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,492	950	162%
Phải thu ngắn hạn	428	890	-51.9%
Hàng tồn kho	1,005	1,159	-13.2%
Tài sản ngắn hạn khác	14.6	17.7	-17.3%
Tài sản dài hạn	1,942	1,953	-0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,265	1,329	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.1	47.4	-76.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	520	442	17.6%
Tài sản dài hạn khác	145	134	8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,748	2,338	17.5%
Nợ ngắn hạn	2,748	2,338	17.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,482	1,703	-13.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	314	313	0.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,666	3,115	17.7%
Vốn chủ sở hữu	3,666	3,115	17.7%
Vốn điều lệ	1,425	1,296	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	1,351	949	1,680	1,201	1,826
Giá vốn hàng bán	901	674	1,127	859	1,226
Lợi nhuận gộp	449	274	553	342	600
Doanh thu HĐTC	11.5	15.5	20.4	24.7	30.9
Chi phí TC	54.9	20.7	43.0	17.3	58.2
Chi phí lãi vay	0	0	2.72	0	0
LN trong công ty LKLD	14.4	2.99	7.72	2.95	9.14
Chi phí bán hàng	172	94.3	205	91.4	242
Chi phí QLDN	54.5	47.9	52.0	50.1	77.2
LN thuần từ HĐKD	194	130	281	211	262
Lợi nhuận khác	0.48	0.51	3.28	-2.35	1.96
LN trước thuế	195	131	285	209	264
Lợi nhuận sau thuế	165	109	238	172	217
LNST của CĐ cty mẹ	165	109	238	172	217

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-231	128	1,448	-504	992
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-39.2	-68.1	-832	108	-873
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	209	-293	-592	347	187
Tiền đầu kỳ	546	485	253	276	227
Lưu chuyển tiền thuần	-60.7	-233	23.4	-49.2	306
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	485	253	276	227	533

(Nguồn: fireant.vn)